

Bản án số: 09/2021/HNGĐ- ST

Ngày 15/4/ 2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SƠN TÂY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lã Hùng Cường

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Huy Dương

Bà Nguyễn Thị Thi

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây tham gia phiên tòa: Bà
Lã Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 291/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2019, tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2021/QĐXXST- DS ngày 15/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 291/2021, ngày 31/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị V, sinh năm: 1983.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm; 1979.

Đầu ĐKKHKT: Xóm C, xã S, thị xã S, thành phố H.

(Chị V có mặt tại phiên tòa; Anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Hà Thị V là nguyên đơn trình bày:

Chị có kết hôn với anh Lê Văn T kết hôn ngày 10/10/2003 có đăng ký tại UBND xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T hay uống rượu, nghiện ma túy chửi mắng đánh đập chị nhiều lần. Chị có khuyên bảo anh T và động viên anh T đi cai nghiện ma túy nhiều lần, đến 06/5/2011 thì anh T trở về gia đình. Nhưng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Năm 2016 chị và anh T ly thân, cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ đó, chị cùng hai con về sống tại nhà bố mẹ đẻ tại xã C, thị xã S cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng nên xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Hải Y, sinh ngày: 21/11/2007 và Lê Đức M, sinh ngày: 17/9/2014, hai cháu đang ở cùng với chị V từ khi vợ chồng sống ly thân, được chị chăm sóc tốt, sinh hoạt, đi học đầy đủ. Hiện tại ba mẹ con chị có chỗ ở ổn định do bố mẹ đẻ chị cho nhà đất. Chị làm nông nghiệp và làm tự do thu nhập được 6.000.000 đồng một tháng. Chị có yêu cầu được nuôi hai con, hai cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Chị V không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì hiện tại anh T không có việc làm ổn định. Bản thân chị cũng đã phải chăm lo cho các con khi sinh ra đến nay, anh T thì không giúp đỡ gì nhiều, không chu cấp để chị nuôi hai con, mà còn hay chửi mắng đe dọa chị và các cháu, kể cả khi vợ chồng đã sống ly thân, làm cho các cháu và chị V phải lo lắng, bất an trong cuộc sống. Do vậy chị xin được nuôi dưỡng hai cháu đến trưởng thành, không yêu cầu anh T phải trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung : Không có.

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án anh Lê Văn T trình bày : Về thời gian, điều kiện kết hôn quá trình chung sống giữa anh và chị Hà Thị V, đúng như chị V trình bày .Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính do anh bị nghiện ma túy và phải đi cai nghiện từ ngày 06/5/2009 đến ngày 06/5/2011 thì trở về gia đình; Vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, hiện cả 03 mẹ con chị V ăn ở riêng bên bà ngoại từ năm 2016, cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ đó, nhưng anh cảm thấy vẫn còn tình cảm với chị V và thương con. Nay chị V xin ly hôn anh không đồng ý, xin được đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Hải Y, sinh ngày: 21/11/2007 và , sinh ngày: 17/9/2014. Khi ly hôn anh xin được nuôi cả hai cháu.

Về tài sản chung, công sức chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung : Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh T đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải để giải quyết vụ án. Anh T có đến Tòa án trình bày lời khai nhưng không ký vào biên bản, không đến để tiến hành hòa giải.

Tòa án xác minh tại địa phương, ông Trưởng thôn xác định : Chị V và anh T cũng có mâu thuẫn từ lâu, thường xuyên hay đánh chửi nhau. Vợ chồng có hai con chung như trình bày là đúng. Anh T có nghiện ma túy và phải đi cai nghiện, sau khi về gia đình vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn, hiện tại đã sống ly thân từ năm 2016. Anh T không có việc làm ổn định, thuộc diện có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, chính quyền địa phương có làm nhà tình nghĩa cho vợ chồng anh T , nhưng

nhà bỏ không, hiện không có ai ở, anh T thường xuyên không có mặt ở nhà. Việc chị V xin ly hôn Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay : Chị Hà Thị V có lời trình bày và vẫn giữ nguyên quan điểm như trên; Anh Lê Văn T vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ; Do vậy HĐXX tiến hành xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, tại phiên tòa có đề nghị HĐXX như sau :

1. Về việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự:

Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án :

Hôn nhân : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin hôn của chị Hà Thị V, chị V được ly hôn anh Lê Văn T.

Con chung: Giao hai cháu Lê Hải Y, sinh ngày: 21/11/2007 và Lê Đức M, sinh ngày: 17/9/2014 cho chị Hà Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ trợ cấp nuôi con chung : Ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức chung: Anh T, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đề nghị xem xét.

Về nợ chung : Không có.

Về án phí : Chị V phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

[1] *Về pháp luật tố tụng:* Tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị V và anh Lê Văn T kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn và thủ tục về kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T là hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng chị V và anh T nguyên nhân được xác định là do anh T có uống rượu, nghiện ma túy. Từ đó vợ chồng không chia sẻ đồng cảm với nhau trong cuộc sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh T đánh chửi chị V nhiều lần. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 mỗi người một nơi, cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ đó đến nay. Quá trình chung sống khi có mâu thuẫn, vợ chồng đã tiến hành hòa giải để khắc phục thiếu sót nhưng không được. Anh T không đồng ý ly

hôn nhưng cũng không đưa ra được biện pháp thuyết phục hàn gắn hạnh phúc gia đình nên chị V vẫn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng anh T sẽ không có sự thay đổi. Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị V và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

[3]*Về con chung*: Chị V, anh T có hai con chung là Lê Hải Y, sinh ngày: 21/11/2007 và Lê Đức M, sinh ngày: 17/9/2014. Chị V, anh T đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hai con đã ở ổn định cùng chị V từ khi vợ chồng sống ly thân, được chị chăm sóc tốt, sinh hoạt, đi học đầy đủ. Chị V có chỗ ở ổn định cùng hai con, thu nhập trung bình 6.000.000 đồng một tháng. Anh T thuộc diện có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương, do bản thân phải đi cai nghiện ma túy khi về gia đình lại không có việc làm ổn định. Về chăm sóc, giáo dục các con chủ yếu do chị V thực hiện. Hội đồng xét xử xác định chị V có điều kiện hơn để nuôi con, đảm bảo được sự phát triển tốt nhất về tâm sinh lý, thể chất, sinh hoạt, học tập của cháu Y, cháu M. Vì vậy giao cháu Lê Hải Y và cháu Lê Đức M cho chị V được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu.

[4]*Về tài sản chung, công sức*: Chị Hà Thị V và anh Lê Văn T đều xác nhận là không yêu cầu giải quyết. Nhưng tại phiên tòa anh T không có mặt. Giành quyền khởi kiện cho anh T đối với chị V bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]*Nợ chung*: Chị Hà Thị V và anh Lê Văn T đều xác nhận là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]*Về án phí*: Chị Hà Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị V đối với anh Lê Văn T về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

Về quan hệ hôn nhân : Cho chị Hà Thị V được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung :

Giao hai con chung là Lê Hải Y, sinh ngày: 21/11/2007 và Lê Đức M, sinh ngày: 17/9/2014, cho chị Hà Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Văn T đến khi chị Hà Thị V có đơn yêu cầu và anh Lê Văn T có điều kiện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Anh T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, công sức: Chị V không yêu cầu giải quyết.

Giành quyền khởi kiện cho anh T đối với chị V bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Hà Thị V phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Hà Thị V đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0007104 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Nay được chuyển thành án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TX Sơn Tây;
- Chi cục THADS TX Sơn Tây;
- UBND xã Sơn Đông;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lã Hùng Cường